



# HỎI - ĐÁP

**Quyển 2**

**VỀ CHÍNH SÁCH  
DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH NGHỆ AN BAN HÀNH  
NĂM 2024**

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
TỈNH NGHỆ AN

**HỎI - ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH DO HỘI ĐỒNG  
NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN BAN HÀNH  
NĂM 2024  
(Quyển 2)**

## LỜI NÓI ĐẦU

Ngày 19/3/2024, Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh Nghệ An đã ban hành Kế hoạch hoạt động của Hội đồng PHPBGDPL số 208 để thực hiện đẩy mạnh phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, Nhân dân về Hiến pháp và pháp luật, về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và yêu cầu, nhiệm vụ tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Tiếp tục đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL) và truyền thông chính sách để tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp trong việc tiếp cận pháp luật. Phát huy vai trò của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, cơ quan Thường trực của Hội đồng và từng thành viên Hội đồng trong chỉ đạo, phối hợp thực hiện công tác PBGDPL và truyền thông chính sách theo phương châm hướng về cơ sở, xây dựng ý thức và lối sống thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trong hệ thống chính trị và toàn xã hội. Thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng theo Quyết định số 21/2021/QĐ-TTg ngày 21/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật tỉnh Nghệ An cũng yêu cầu bám sát nội dung, đổi mới công tác PBGDPL trong điều kiện hiện nay phù hợp với nội dung của Đảng, Chính phủ và các văn bản có liên quan và chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng tỉnh theo quy định. Đồng thời, đổi mới cách thức hoạt động của Hội đồng các cấp, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả công tác PBGDPL theo hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nghiên cứu từng bước thực hiện chuyển đổi số với lộ trình phù hợp. Bảo đảm công tác PBGDPL được tổ chức triển khai thực chất, hiệu quả, bám sát các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trong năm 2024 và những năm tiếp theo.

Xác định cụ thể nhiệm vụ, đề cao trách nhiệm của mình, Sở Thông tin và Truyền thông xuất bản tài liệu “**Hỏi - đáp chính sách pháp luật có tác động lớn đến xã hội (quyển 1) và Hỏi - đáp các chính sách pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành năm 2024 (quyển 2)**” nhằm đảm bảo truyền thông đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và nhân dân các chính sách có tác động lớn đến xã hội hiện nay. Ngoài ra, tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật để sử dụng thu phát trên hệ thống thông tin cơ sở toàn tỉnh.

Xin trân trọng giới thiệu!

**BAN BIÊN TẬP**

**Phần I:**

**Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Nghệ An quản lý**

**Câu hỏi 1: Giá dịch vụ khám bệnh, kiểm tra sức khỏe không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại tỉnh Nghệ An quy định như thế nào:**

**Trả lời:**

Tại phụ lục 1, ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định giá dịch vụ kiểm tra sức khỏe như sau:

STT	Cơ sở y tế / loại dịch vụ	Giá dịch vụ
1.	Bệnh viện hạng đặc biệt	42.100
2.	Bệnh viện hạng I	42.100
3.	Bệnh viện hạng II	37.500
4.	Bệnh viện hạng III	33.200
5.	Bệnh viện hạng IV	30.100
6.	Trạm y tế xã	30.100
7.	Hội chẩn để xác định ca bệnh khó (chuyên gia/ca; chỉ áp dụng đối với trường hợp mời chuyên gia đơn vị khác đến hội chẩn tại cơ sở khám, chữa bệnh)	200.000
8.	Khám cấp giấy chứng thương, giám định y khoa (không kể xét nghiệm, X - quang)	160.000
9.	Khám sức khỏe toàn diện lao động, lái xe, khám sức khỏe định kỳ (không kể xét nghiệm, X - quang)	160.000
10.	Khám sức khỏe toàn diện cho người đi xuất khẩu lao động (không kể xét nghiệm, X - quang)	450.000

**Câu hỏi 2: Giá dịch vụ ngày giường bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại tỉnh Nghệ An quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại phụ lục 2, ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định giá dịch vụ ngày giường bệnh như sau:

STT	Các loại dịch vụ	Bệnh viện hạng đặc biệt	Bệnh viện hạng I	Bệnh viện hạng II	Bệnh viện hạng III	Bệnh viện hạng IV
1	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU) / ghép tạng hoặc ghép tủy hoặc ghép tế bào gốc	867.500	786.300	673.900		
2	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	509.400	474.700	359.200	312.200	279.400
3	Ngày giường bệnh Nội khoa					
3.1	Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Lão, Nhi, Tiêu hoá, Thận học, Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson hoặc Lyell)	273.100	255.300	212.600	198.000	176.900
3.2	Loại 2: Các Khoa: Cơ - Xương - Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai - Mũi - Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ - Sản không mổ; Y học dân tộc hoặc Phục hồi chức năng cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	247.200	229.200	182.700	171.600	152.800

3.3	<b>Loại 3:</b> Các khoa: Y học dân tộc, Phục hồi chức năng	209.200	193.800	147.600	138.600	128.200
4	<b>Ngày giường bệnh ngoại khoa, bông:</b>					
4.1	<b>Loại 1:</b> Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bông độ 3 - 4 trên 70% diện tích cơ thể	374.500	339.000	287.500		
4.2	<b>Loại 2:</b> Sau các phẫu thuật loại 1; Bông độ 3 - 4 từ 25 - 70% diện tích cơ thể	334.800	308.500	252.100	225.200	204.000
4.3	<b>Loại 3:</b> Sau các phẫu thuật loại 2; Bông độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bông độ 3 - 4 dưới 25% diện tích cơ thể	291.900	270.500	224.700	199.600	177.200
4.4	<b>Loại 4:</b> Sau các phẫu thuật loại 3; Bông độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	262.300	242.100	192.100	168.100	153.100
5	<b>Ngày giường trạm y tế xã</b>	64.100				
6	<b>Ngày giường bệnh ban ngày</b>	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng.				

**Câu hỏi 3: Giá dịch vụ siêu âm, chuẩn đoán bằng hình ảnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế tại tỉnh Nghệ An quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại phụ lục 3, ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định giá dịch vụ siêu âm, chuẩn đoán bằng hình ảnh như sau:

TT	Mã dịch vụ	Tên dịch vụ	Giá dịch vụ	Ghi chú
1	04C1.1.3	Siêu âm	49.300	
2	03C4.1.3	Siêu âm + đo trực nhãn cầu	81.300	
3		Siêu âm đầu dò âm đạo, trực tràng	186.000	
4	03C4.1.1	Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu	233.000	
5	03C4.1.6	Siêu âm Doppler màu tim + cảm âm	268.20	
6	03C4.1.5	Siêu âm tim gắng sức	598.000	
7	04C1.1.4	Siêu âm Doppler màu tim 4D (3D REAL TIME)	468.000	Chỉ áp dụng trong trường hợp chỉ định để thực hiện các phẫu thuật hoặc can thiệp tim mạch
8	04C1.1.5	Siêu âm Doppler màu tim hoặc mạch máu qua thực quản	816.000	
9	04C1.1.6	Siêu âm trong lòng mạch hoặc Đo dự trữ lưu lượng động mạch vành FFR	2.023.000	Chưa bao gồm bộ đầu dò siêu âm, bộ dụng cụ đo dự trữ lưu lượng động mạch vành và các dụng cụ để đưa vào lòng mạch

**Phần II:**  
**Quy định mức thu học phí trong các cơ sở giáo dục công lập; mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định thuộc tỉnh Nghệ An quản lý từ năm học 2023 - 2024**

**Câu hỏi 4: Mức học phí học trực tiếp đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên từ năm học 2023 - 2024 ở tỉnh Nghệ An quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 1, Điều 2, Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 22/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định Mức học phí học trực tiếp đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên từ năm học 2023 - 2024 như sau:

TT	Nội dung	Mức thu học phí <i>Đơn vị tính: 1.000 đồng/tháng/học sinh</i>			
		Phường thuộc thành phố Vinh	Xã thuộc thành phố Vinh, phường thuộc thị xã, thị trấn thuộc huyện đồng bằng	Xã thuộc thị xã, xã thuộc huyện đồng bằng (trừ xã miền núi), thị trấn thuộc huyện miền núi thấp	Xã miền núi thuộc huyện đồng bằng; xã, thị trấn thuộc huyện miền núi cao; xã thuộc huyện miền núi thấp; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền
1	Mầm non	280	200	100	45
2	Trung học cơ sở, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học cơ sở	130	90	60	35
3	Trung học phổ thông, Giáo dục thường xuyên cấp Trung học phổ thông	130	120	90	45

**Câu hỏi 5: Mức học phí học trực tuyến (học Online) đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông từ năm học 2023 - 2024 ở tỉnh Nghệ An quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 2, Điều 2, Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 22/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức thu học phí học trực tuyến (học Online) đối với cơ sở giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục thường xuyên, cơ sở đào tạo khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông từ năm học 2023 - 2024 bằng 80% mức học phí học trực tiếp quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

**Câu hỏi 6: Mức hỗ trợ tiền đóng học phí học trực tiếp cho học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định từ năm học 2023 - 2024 ở tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 22/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức hỗ trợ tiền đóng học phí học trực tiếp cho học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định từ năm học 2023 - 2024 như sau:

TT	Vùng	Mức hỗ trợ học phí
1	Phường thuộc thành phố Vinh	280
2	Xã thuộc thành phố Vinh, phường thuộc thị xã, thị trấn thuộc huyện đồng bằng	200

3	Xã thuộc thị xã, xã thuộc huyện đồng bằng (trừ xã miền núi), thị trấn thuộc huyện miền núi thấp	100
4	Xã miền núi thuộc huyện đồng bằng; xã, thị trấn thuộc huyện miền núi cao; xã thuộc huyện miền núi thấp; vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền	200

*Đơn vị tính: 1.000 đồng/tháng/học sinh*

**Câu hỏi 7: Mức hỗ trợ tiền đóng học phí học trực tuyến (học Online) cho học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định từ năm học 2023 - 2024 quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 22/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức hỗ trợ tiền đóng học phí học trực tuyến (học Online) cho học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định từ năm học 2023 - 2024 bằng 80% mức học phí học trực tiếp quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.



**Phần III:**  
**Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và chính sách hỗ trợ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**Câu hỏi 8: Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 2, Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội (áp dụng cho các đối tượng tại Khoản 2, Điều 1 của Nghị quyết này) như sau:

1. Mức chuẩn trợ giúp xã hội là 360.000 đồng/tháng.
2. Mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.
3. Người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng thuộc điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này, ngoài hưởng mức trợ giúp xã hội theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 còn được hưởng thêm mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

**Câu hỏi 9: Chế độ hỗ trợ hàng tháng đối với người khuyết tật bẩm sinh có cha đẻ hoặc mẹ đẻ đã hoặc đang hưởng chế độ trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học tại Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định:

Các đối tượng được hỗ trợ hàng tháng với mức bằng với mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này nhân với hệ số tương ứng quy định như sau:

- a) Hệ số 0,5 đối với người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng;
- b) Hệ số 1,0 đối với người được Hội đồng Giám định y khoa

kết luận suy giảm khả năng lao động từ 21% đến 40% hoặc được Hội đồng xác định mức độ khuyết tật đánh giá, chấm điểm mức độ khuyết tật đạt từ 2 đến 4 điểm theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện;

c) Hệ số 1,5 đối với người được Hội đồng Giám định y khoa kết luận suy giảm khả năng lao động từ 41% đến 60% hoặc được Hội đồng xác định mức độ khuyết tật đánh giá, chấm điểm mức độ khuyết tật đạt từ 5 đến 6 điểm theo quy định tại Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH.

**Câu hỏi 10: Thủ tục thực hiện, thôi hưởng hỗ trợ hàng tháng đối với người khuyết tật bẩm sinh có cha đẻ hoặc mẹ đẻ đã hoặc đang hưởng chế độ trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học tại Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An được sửa đổi tại Điều 1, Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 22/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định:

a) Người khuyết tật, người giám hộ hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan làm 01 tờ khai (có mẫu kèm theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 22/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An), nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú hoặc qua dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An tại địa

chỉ: <http://dichvucong.nghean.gov.vn> . Khi nộp hồ sơ cần xuất trình hoặc gửi kèm theo bản sao các giấy tờ sau để cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu thông tin kê khai trong tờ khai:

- Biên bản giám định Y khoa của Hội đồng giám định y khoa (Đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 điều này thì không cần phải xuất trình)

- Thẻ căn cước đối với người từ đủ 14 tuổi trở lên.

**Câu hỏi 11: Thời hạn giải quyết thủ tục chi trả chính sách hỗ trợ đối với người khuyết tật bẩm sinh có cha đẻ hoặc mẹ đẻ đã hoặc đang hưởng chế độ trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học là bao nhiêu ngày?**

**Trả lời:**

Tại Điểm b, Điểm c, Điểm d, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định:

b) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện xét duyệt và niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 02 ngày làm việc. Trường hợp có khiếu nại, trong thời hạn 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức xem xét, kết luận, công khai nội dung khiếu nại. Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày hồ sơ được xét duyệt và không có khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản, kèm theo 01 tờ khai của đối tượng gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân

dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) xem xét quyết định hỗ trợ hàng tháng cho đối tượng. Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản trình của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định hỗ trợ hàng tháng cho đối tượng;

**Câu hỏi 12: Trường hợp đối tượng hưởng hỗ trợ đối với người khuyết tật bẩm sinh có cha đẻ hoặc mẹ đẻ đã hoặc đang hưởng chế độ trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học hàng tháng chết hoặc không còn thuộc diện được hỗ trợ thì quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điểm đ, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định:

Trường hợp đối tượng hưởng hỗ trợ hàng tháng chết hoặc không còn thuộc diện được hỗ trợ theo Nghị quyết này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thôi hưởng chính sách hỗ trợ hàng tháng. Thời gian thôi hưởng kể từ tháng ngay sau tháng đối tượng đang hưởng hỗ trợ hàng tháng chết hoặc không còn thuộc diện được hỗ trợ.

**Câu hỏi 13: Người khuyết tật bẩm sinh có cha đẻ hoặc mẹ đẻ đã hoặc đang hưởng chế độ trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng đối với con đẻ của người hoạt động kháng**

**chiến bị nhiễm chất độc hóa học có được cấp thẻ Bảo hiểm y tế không?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định:

Đối tượng quy định tại điểm b, điểm c, khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An được cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

**Câu hỏi 14: Người khuyết tật bẩm sinh có cha đẻ hoặc mẹ đẻ đã hoặc đang hưởng chế độ trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có được hỗ trợ chi phí mai táng không?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 4, Điều 3, Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định:

a) Đối tượng quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 3, Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khi chết được hỗ trợ chi phí mai táng bằng 20 lần mức chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này;

b) Trường hợp đối tượng được hỗ trợ chi phí mai táng quy định tại nhiều văn bản khác nhau với các mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất;

c) Hồ sơ, thủ tục hỗ trợ chi phí mai táng thực hiện áp dụng theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 11 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

**Câu hỏi 15: Chính sách đối với người khuyết tật thần kinh tâm thần mức độ đặc biệt nặng đang còn cả cha và mẹ nhưng**

**cả hai người từ đủ 75 tuổi trở lên hoặc chỉ còn cha hoặc mẹ nhưng từ đủ 75 tuổi trở lên, thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, có nguyện vọng đưa đối tượng vào sống trong các cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 4, Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định:

1. Thẩm quyền, hồ sơ và thủ tục tiếp nhận: thực hiện áp dụng theo Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

2. Chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng: Các đối tượng được tiếp nhận vào sống trong cơ sở trợ giúp xã hội được hưởng các chế độ như các đối tượng đang sống trong các cơ sở trợ giúp xã hội (theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP).

3. Đối tượng được tiếp nhận vào sống trong các cơ sở trợ giúp xã hội thì không được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng.

**Câu hỏi 16: Chính sách hỗ trợ tiền ăn đối với trẻ em được tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng trong Làng trẻ em SOS Vinh được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 5, Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định:

Hỗ trợ mức chênh lệch tiền ăn hàng tháng đối với trẻ em được tiếp nhận vào chăm sóc, nuôi dưỡng trong Làng trẻ em SOS Vinh để bằng mức trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng tại cơ sở trợ giúp xã hội được quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

## **Phần IV: Quy định chính sách hỗ trợ đối với người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng thuộc gia đình hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025**

**Câu hỏi 17: Quy định điều kiện hưởng hỗ trợ đối với người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng thuộc gia đình hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025 như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 2, Nghị quyết số 32/2010/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định:

Đối tượng nêu tại điểm a, b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội hoặc trợ cấp hàng tháng đối với người có công với cách mạng thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Đủ 60 tuổi trở lên.
2. Bị khuyết tật đặc biệt nặng hoặc khuyết tật nặng theo quy định của Luật Người khuyết tật.
3. Đang bị một trong các bệnh hiểm nghèo theo danh mục bệnh hiểm nghèo tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

**Câu hỏi 18: Nguyên tắc hỗ trợ đối với người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng thuộc gia đình hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025 như thế nào ?**

**Trả lời:**

Tại Điều 3, Nghị quyết số 32/2010/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định nguyên tắc hỗ trợ như sau:

1. Việc hỗ trợ phải đảm bảo đúng đối tượng, công khai, minh bạch, kịp thời, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.
2. Trường hợp đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều

1 có các khoản trợ cấp xã hội hàng tháng bằng hoặc cao hơn mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 thì không được hưởng hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết này.

3. Đối tượng hưởng hỗ trợ hàng tháng theo quy định của nghị quyết này thôi hưởng chính sách hỗ trợ kể từ tháng ngay sau tháng đối tượng chết hoặc không còn thuộc diện được hỗ trợ. Người có công với cách mạng chết thì thân nhân của người có công với cách mạng thôi hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.

**Câu hỏi 19: Mức hỗ trợ đối với người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng thuộc gia đình hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025 như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 4, Nghị quyết số 32/2010/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định nguyên tắc hỗ trợ như sau:

1. Hỗ trợ 700.000 đồng/người/tháng đối với khu vực nông thôn; 900.000 đồng/người/tháng đối với khu vực thành thị.
2. Hỗ trợ phần chênh lệch hàng tháng đối với các đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội để bằng mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều này.

**Câu hỏi 20: Hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện và phương thức hỗ trợ đối với người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng thuộc gia đình hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025 như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 4, Nghị quyết số 32/2010/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 và Điều 1, Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 22/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định

nguyên tắc hỗ trợ như sau:

1. Hồ sơ: Tờ khai (theo mẫu được ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 22/4/2024).

2. Trình tự, thủ tục thực hiện

a) Đại diện hộ gia đình làm 01 tờ khai theo quy định tại khoản 1 Điều này nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú hoặc qua dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An tại địa chỉ: <https://dichvucong.nghean.gov.vn>. Khi nộp hồ sơ cần xuất trình hoặc gửi kèm bản sao các giấy tờ sau để cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu thông tin kê khai trong tờ khai:

- Thẻ căn cước (đối với người từ đủ 14 tuổi trở lên);

- Bệnh án của cơ sở y tế cấp tỉnh trở lên (đối với trường hợp là người bị bệnh hiểm nghèo).

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện xét duyệt và niêm yết công khai kết quả xét duyệt tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 05 ngày làm việc, trừ những thông tin liên quan đến HIV của đối tượng. Sau khi hết thời gian niêm yết công khai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản (kèm theo 01 tờ khai của đối tượng) gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện;

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện có trách nhiệm thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện). Trường hợp đối tượng không đủ điều kiện hưởng, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được

văn bản trình của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định hỗ trợ hàng tháng cho đối tượng.

Trường hợp đối tượng hưởng hỗ trợ hàng tháng chết hoặc không còn thuộc diện hỗ trợ theo Nghị quyết này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thôi hưởng chính sách hỗ trợ hàng tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này.

3. Phương thức hỗ trợ: các khoản hỗ trợ trên được chi trả hàng tháng bằng tiền mặt hoặc qua thẻ ATM.

**Phần V:**  
**Quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên; mức chi hỗ trợ, bồi dưỡng; chế độ, chính sách đối với tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**Câu hỏi 21: Tiêu chí thành lập, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 2, Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 07/06/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

1. Tiêu chí thành lập: Mỗi thôn, xóm, khối, bản thành lập một Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, bao gồm một Tổ trưởng, một Tổ phó và Tổ viên.

2. Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự:

a) Thôn, xóm, bản có số lượng hộ gia đình dưới 350; khối có số lượng hộ gia đình dưới 500: Tổ bảo vệ an ninh, trật tự có số lượng 03 thành viên;

b) Đối với thôn, xóm, khối, bản có số lượng hộ gia đình cao hơn số lượng quy định tại điểm a khoản này, cứ tăng thêm 1/3 số hộ gia đình thì tăng thêm 01 Tổ viên. Mỗi Tổ bảo vệ an ninh, trật tự không quá 05 thành viên.

**Câu hỏi 22: Mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 07/06/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

Mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng:

a) Tổ trưởng (kiêm Phó Trưởng thôn, xóm, khối, bản): 2.000.000 đồng/tháng;

b) Tổ phó: 1.200.000 đồng/tháng;

c) Tổ viên: 1.100.000 đồng/tháng.

**Câu hỏi 23: Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội:

Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế của đối tượng tham gia bảo hiểm y tế hộ gia đình. Hỗ trợ 50% mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Các mức hỗ trợ quy định tại Khoản này không áp dụng đối với người không tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, người đã được hưởng chế độ hưu trí, người đã được cấp bảo hiểm y tế.

**Câu hỏi 24: Mức tiền bồi dưỡng đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 07/06/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

Mức tiền bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở: Khi làm nhiệm vụ theo sự phân công của cấp có thẩm quyền hoặc khi được điều động, huy động thực hiện nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, vào ngày nghỉ, ngày lễ, tết; khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động; khi làm nhiệm vụ tại những nơi thuộc khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng

có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc tại đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng thì được hưởng mức tiền bồi dưỡng 100.000 đồng/ngày, nhưng không quá 10 ngày/người/tháng.

**Câu hỏi 25: Chế độ, chính sách đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 4, Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 07/06/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

1. Trường hợp bị tai nạn, vết thương tái phát: Trong thời gian điều trị tại cơ sở y tế được hưởng mức hỗ trợ như quy định đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đã tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện cho đến khi ổn định sức khỏe ra viện.

2. Trường hợp bị tai nạn dẫn đến chết: Thân nhân được hưởng trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí như người đã tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.



**Phần VI:**

**Quy định định mức chi ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững; Nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**Câu hỏi 26: Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện Dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 theo quy định tại tỉnh Nghệ An như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 2, Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 07/06/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

1. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Cơ quan phê duyệt dự án, kế hoạch quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch nhưng không quá 5 tỷ đồng.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Cơ quan phê duyệt dự án, phương án quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, phương án nhưng không quá 5 tỷ đồng.

**Câu hỏi 27: Hỗ trợ Dự án, kế hoạch hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 07/06/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

a) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) và điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 Mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Riêng các dự án, kế hoạch liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp thực hiện theo các quy định tại điểm a khoản 1 điều này và quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

b) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án được liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc

thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

c) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 85 Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

**Câu hỏi 28: Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 07/2024/NQ-HĐND ngày 07/06/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

a) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) và điểm c khoản 2, điểm a khoản 3 mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Riêng các dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trong lĩnh vực nông nghiệp thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 điều này và quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND.

b) Đối với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND.

**Phần VII:**  
**Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù và một số chính sách hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên thành tích cao tỉnh Nghệ An**

**Câu hỏi 29: Đối tượng áp dụng quy định nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù; chính sách hỗ trợ kinh phí đối với huấn luyện viên, vận động viên thành tích cao và chính sách hỗ trợ thuê khoán huấn luyện viên thể thao thành tích cao tỉnh Nghệ An như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2024 và sửa đổi bổ sung tại Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

- a. Huấn luyện viên và vận động viên của đội tuyển năng khiếu tỉnh.
- b. Huấn luyện viên và vận động viên của đội tuyển cấp huyện, xã.
- c. Vận động viên đạt huy chương tại các kỳ: Đại hội Thể thao Châu Á (ASIAD) và Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games).
- d. Vận động viên đạt huy chương từng môn thể thao tại: các giải Vô địch Thế giới; các giải Vô địch Châu Á; các giải Vô địch Đông Nam Á.
- đ. Vận động viên đạt Huy chương Vàng tại: các kỳ Đại hội Thể thao toàn quốc; giải Vô địch Quốc gia.
- e. Huấn luyện viên huấn luyện các vận động viên tại điểm c, d, đ khoản này.
- g. Cá nhân được thuê khoán làm huấn luyện viên tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao tỉnh Nghệ An.
- h. Huấn luyện viên đào tạo vận động viên tập trung môn bóng đá trẻ tỉnh Nghệ An.

**Câu hỏi 30: Nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập luyện, huấn luyện tại tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 1, Điều 2, Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2024 và sửa đổi bổ sung tại Điểm a, Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

TT	Huấn luyện viên và vận động viên	Mức ăn hàng ngày <i>Đơn vị tính: đồng/ người/ngày</i>
1	Đội tuyển năng khiếu tỉnh	150.000
2	Đội tuyển cấp huyện	150.000
3	Đội tuyển cấp xã	130.000

**Câu hỏi 31: Nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung thi đấu tại tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 2, Điều 2, Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2024 và sửa đổi bổ sung tại Điểm b, Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

TT	Huấn luyện viên và vận động viên	Mức ăn hàng ngày <i>Đơn vị tính: đồng/ người/ngày</i>
1	Đội tuyển năng khiếu tỉnh	240.000
2	Đội tuyển cấp huyện	240.000
3	Đội tuyển cấp xã	200.000

**Câu hỏi 32: Chính sách hỗ trợ kinh phí đối với vận động viên đạt thành tích cao giai đoạn 2022 - 2025 tại tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điểm a, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ như sau:

- Ngoài chế độ được hưởng theo các quy định hiện hành, vận động viên được hỗ trợ kinh phí hàng tháng và theo chu kỳ từng giải đấu, cụ thể như sau:

*Đơn vị tính: đồng/người/tháng*

TT	Huấn luyện viên và vận động viên	Thành tích thi đấu đạt được	Thành tích thi đấu đạt được	Thành tích thi đấu đạt được
1	Vô địch Thế giới (Từng môn)	Vàng	10.000.000	1 năm
		Bạc	7.000.000	
		Đồng	5.000.000	
2	Đại hội Thể thao Châu Á (ASIAD)	Vàng	10.000.000	4 năm
		Bạc	7.000.000	
		Đồng	5.000.000	
3	Vô địch Châu Á (Từng môn)	Vàng	10.000.000	1 năm
		Bạc	7.000.000	
		Đồng	5.000.000	
4	Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games)	Vàng	7.000.000	2 năm
		Bạc	5.000.000	
		Đồng	3.000.000	
5	Vô địch Quốc gia	Vàng	1.500.000	1 năm

6	Vô địch Châu Á (Từng môn)	Vàng	3.000.000	1 năm
		Bạc	2.000.000	
		Đồng	1.000.000	
7	Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc	Vàng	3.000.000	4 năm

- Đối với các nội dung đồng đội và môn tập thể vận động viên được hưởng 50% mức hỗ trợ hàng tháng.

**Câu hỏi 33: Chính sách hỗ trợ kinh phí đối với huấn luyện viên đạt thành tích cao giai đoạn 2022 - 2025 tại tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điểm b, Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ như sau:

- Được hưởng mức hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ của một vận động viên.

- Đối với nội dung đồng đội và môn tập thể:

+ Từ 06 đến 12 người, mức hỗ trợ được tính tối đa cho 02 huấn luyện viên;

+ Từ 13 người trở lên, mức hỗ trợ được tính tối đa cho 03 huấn luyện viên.

**Câu hỏi 34: Chính sách hỗ trợ huấn luyện viên đào tạo vận động viên tập trung môn bóng đá trẻ tỉnh Nghệ An quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 3, Điều 1, Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

1. Điều kiện, tiêu chuẩn hỗ trợ: Huấn luyện viên phải đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: Có bằng tốt nghiệp đại học thể dục thể thao trở lên hoặc có bằng (chứng chỉ) huấn luyện viên C, B, A, Pro môn bóng đá do Liên đoàn bóng đá Việt Nam hoặc Liên đoàn bóng đá các châu lục cấp.

2. Số lượng: Huấn luyện viên trưởng 10 người, huấn luyện viên phó 20 người.

3. Mức hỗ trợ: 10.000.000 đồng/người/tháng đối với huấn luyện viên trưởng, 8.000.000 đồng/người/tháng đối với huấn luyện viên phó (mức hỗ trợ trên không bao gồm các chế độ huấn luyện viên được hưởng tại Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu).”

**Câu hỏi 35: Điều kiện, tiêu chuẩn người được thuê khoán huấn luyện viên thể thao thành tích cao giai đoạn 2022 - 2025 tỉnh Nghệ An quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 1, Điều 4, Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định điều kiện, tiêu chuẩn người được thuê khoán như sau:

a) Tốt nghiệp đại học Thể dục thể thao trở lên.

b) Có tư cách đạo đức tốt, tư tưởng lập trường chính trị vững vàng, không vi phạm kỷ luật.

c) Đạt được một trong các thành tích sau đây:

- Huy chương tại một kỳ Olympic; Olympic trẻ; Asiad;

- Huy chương Vàng tại một kỳ SEA Games và 02 năm đạt Huy chương Vàng giải Vô địch quốc gia;

- Huy chương Vàng tại 01 kỳ Đại hội Thể thao toàn quốc và 02 năm đạt Huy chương Vàng giải Vô địch Quốc gia;

- Từ 03 - 05 năm đạt Huy chương Vàng giải Vô địch Quốc gia.

d) Ưu tiên: vận động viên đã cống hiến cho thể thao Nghệ An tối thiểu từ 05 năm trở lên.

đ) Huấn luyện viên thuê khoán không được hưởng tiền lương, chế độ dinh dưỡng trong quá trình tập luyện và thi đấu.

e) Môn thể thao được thuê huấn luyện viên: Cử tạ, Cầu mây, Võ cổ truyền, Pencaksilat, Đá cầu, Kickboxing, Vovinam, Vật, Boxing, Bi sắt.

**Câu hỏi 36: Mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ thuê khoán huấn luyện viên thể thao thành tích cao giai đoạn 2022 – 2025 tỉnh Nghệ An quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 2, Điều 4, Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 13/8/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức hỗ trợ và thời gian hỗ trợ như sau:

a) Mức hỗ trợ thuê khoán huấn luyện viên: 15.000.000đ/ người/tháng, trong thời gian tập luyện, tập huấn cho vận động viên các đội tuyển của tỉnh tham gia thi đấu các giải Quốc gia và quốc tế tổ chức hàng năm.

b) Số lượng: năm 2022 thuê khoán 03 huấn luyện viên và mỗi năm bổ sung không quá 03 huấn luyện viên/năm.

**Phần VIII:  
Quy định chính sách hỗ trợ thực hiện  
Chương trình bố trí ổn định dân cư trên  
địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn  
2024 - 2030**

**Câu hỏi 37: Đối tượng áp dụng được hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2024 - 2030 như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định đối tượng như sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, đất ở do sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét; hộ gia đình, cá nhân sinh sống ở vùng có nguy cơ bị sạt lở đất, sụt lún đất, lốc, lũ, lũ quét, ngập lụt, nước dâng.

b) Hộ gia đình, cá nhân sống ở vùng đặc biệt khó khăn, thiếu đất, nước để sản xuất, thiếu nước sinh hoạt, thiếu cơ sở hạ tầng thiết yếu; các làng chài trên sông nước, ô nhiễm môi trường.

c) Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến các vùng biên giới đất liền, khu kinh tế - quốc phòng.

d) Địa bàn (cấp xã, cấp thôn, xóm, bản) nơi tiếp nhận người dân tái định cư xen ghép.

đ) Tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến nội dung quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

**Câu hỏi 38: Nguyên tắc và điều kiện hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2024 - 2030 được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 2, Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

1. Nguyên tắc hỗ trợ: Chỉ hỗ trợ 01 lần và trường hợp trong cùng một nội dung hỗ trợ có nhiều chính sách khác nhau thì chỉ được lựa chọn một chính sách.

2. Điều kiện hỗ trợ

Các hộ gia đình, cá nhân, địa bàn thuộc đối tượng của Chương trình chỉ được hỗ trợ khi thực hiện đúng quy trình bố trí ổn định dân cư được quy định tại Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí ổn định dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, đồng thời đảm bảo các điều kiện sau:

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân:

- Hộ gia đình, cá nhân có nhà ở riêng và đang sinh sống thường xuyên tại vị trí cần di dời theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời không có nhà ở ổn định khác ngoài khu vực cần di dời (trừ các hộ dân làng chài sống trên sông nước);

- Hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng hỗ trợ nhưng chưa được hỗ trợ, đã xây dựng nhà ở tại nơi ở mới (nơi tái định cư) đảm bảo tiêu chuẩn “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng) theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng, diện tích nhà ở tối thiểu 30m<sup>2</sup>; đảm bảo mỹ quan, phù hợp với phong tục tập quán của địa phương;

- Hộ gia đình, cá nhân tự nguyện đến vùng biên giới đất liền, khu kinh tế - quốc phòng phải có cam kết xây dựng nhà ở và sinh sống ổn định lâu dài tại nơi ở mới;

- Đối với hình thức bố trí ổn định dân cư xen ghép, ngoài các điều kiện nêu trên, cần có thêm các điều kiện sau: Hộ gia đình, cá nhân phải tự tìm kiếm đất ở để tái định cư nơi ở mới, đồng thời phải đảm bảo theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đã thực hiện đúng quy định về quản lý đất đai theo Luật Đất đai hiện hành.

b) Đối với địa bàn nơi tiếp nhận người dân tái định cư xen ghép:

Địa bàn nơi tiếp nhận người dân tái định cư có từ 05 hộ gia đình, cá nhân trở lên thuộc đối tượng của Chương trình, đồng thời đảm bảo đủ điều kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này.

**Câu hỏi 39: Hỗ trợ trực tiếp hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng của Chương trình bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2024 – 2030 được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

a) Hình thức bố trí ổn định dân cư tập trung:

- Mức hỗ trợ: 50 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân đối với đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này;

- Mức hỗ trợ: 40 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân đối với đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

b) Hình thức bố trí ổn định dân cư xen ghép:

- Mức hỗ trợ: 250 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân đối với đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này;

- Mức hỗ trợ: 100 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân đối với đối tượng quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này.

**Câu hỏi 40: Hỗ trợ địa bàn nơi tiếp nhận người dân tái định cư xen ghép của Chương trình bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2024 – 2030 được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND

ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

Hỗ trợ địa bàn nơi tiếp nhận người dân tái định cư xen ghép để thực hiện các nội dung: Điều chỉnh đất ở, đất sản xuất giao cho các hộ mới đến (khai hoang, bồi thường theo quy định khi thu hồi đất của các tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất), xây mới hoặc nâng cấp lớp học, trạm y tế, thủy lợi nội đồng, đường dân sinh, công trình điện sinh hoạt, công trình cấp nước cộng đồng và một số công trình hạ tầng thiết yếu khác. Mức hỗ trợ được tính trên số lượng hộ gia đình, cá nhân di chuyển đến nơi tái định cư, với định mức 50 triệu đồng/hộ gia đình, cá nhân.

**Câu hỏi 41: Hồ sơ thanh toán kinh phí hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2024 – 2030 được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 4, Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

1. Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này

a) Đối với hình thức bố trí ổn định dân cư tập trung:

Hồ sơ thanh toán theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 590/QĐ-TTg ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình bố trí ổn định dân cư các vùng: thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

b) Đối với hình thức bố trí ổn định dân cư xen ghép:

Hồ sơ thanh toán theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và Điều 5 Thông tư số 24/2023/TT-BNNPTNT ngày 21



tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này

Hồ sơ, thủ tục thanh toán thực hiện theo các quy định hiện hành về quản lý ngân sách Nhà nước.

**Phần IX:  
Chính sách hỗ trợ cho tàu cá khai thác  
thủy sản vùng khơi trên địa bàn tỉnh  
Nghệ An**

**Câu hỏi 42: Nguyên tắc hỗ trợ cho tàu cá khai thác thủy sản vùng khơi trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 2, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

1. Chủ tàu cá tự huy động nguồn vốn để thực hiện, ngân sách nhà nước hỗ trợ sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Bảo đảm kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng, đúng đối tượng và đúng quy định.

3. Trong cùng một năm, chủ tàu cá chỉ được hưởng hỗ trợ một lần, một chính sách theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này hoặc Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa.

**Câu hỏi 43: Hỗ trợ kinh phí chuyển biển cho tàu cá khai thác thủy sản vùng khơi với định mức 01 lần/tàu/năm và mức hỗ trợ cụ thể trên địa bàn tỉnh Nghệ An như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 1, Điều 3, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

a) Đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 700CV trở lên: Hỗ trợ 13.500.000 đồng;

b) Đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 400CV đến dưới 700CV: Hỗ trợ 10.500.000 đồng;

c) Đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 250CV đến dưới 400CV: Hỗ trợ 7.500.000 đồng;

d) Đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 150CV đến dưới 250CV: hỗ trợ 4.000.000 đồng;

đ) Đối với tàu có tổng công suất máy chính từ 90CV đến dưới 150CV: Hỗ trợ 3.000.000 đồng;

e) Đối với tàu có tổng công suất máy chính dưới 90CV: Hỗ trợ 2.500.000 đồng.

**Câu hỏi 44: Hỗ trợ kinh phí mua 01 (một) bộ thiết bị giám sát hành trình thay thế thiết bị Movimar trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 2, Điều 3, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

Hỗ trợ kinh phí mua 01 (một) bộ thiết bị giám sát hành trình thay thế thiết bị Movimar (chỉ hỗ trợ đối với nhóm tàu cá chưa được hỗ trợ theo Nghị quyết số 02/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ kinh phí mua, lắp đặt, vận hành thiết bị giám sát hành trình và cước phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15m trở lên trên địa bàn tỉnh Nghệ An): Hỗ trợ 50% giá trị một bộ thiết bị nhưng không quá 8.750.000 đồng.

**Câu hỏi 45: Hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá tại địa bàn tỉnh Nghệ An là bao nhiêu?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 3, Điều 3, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

Hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành

trình lắp đặt trên tàu cá: Hỗ trợ 70% cước phí thuê bao hàng tháng nhưng không quá 250.000 đồng/tàu/tháng.

**Câu hỏi 46: Quy định điều kiện hỗ trợ cho tàu cá khai thác thủy sản vùng khơi trên địa bàn tỉnh Nghệ An như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 1, Điều 4, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

a) Tàu cá khai thác thủy sản, có báo cáo vị trí hoạt động tại vùng khơi thông qua thiết bị giám sát hành trình trên hệ thống giám sát tàu cá của Tổng cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Bộ thiết bị giám sát hành trình thay thế thiết bị Movimar phải là thiết bị mới 100%, có chức năng đáp ứng các quy định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Chủ tàu cá phải duy trì hoạt động thiết bị giám sát hành trình, nộp cước phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình đầy đủ và có hồ sơ theo quy định.

**Câu hỏi 47: Thời gian hỗ trợ cho tàu cá khai thác thủy sản vùng khơi trên địa bàn tỉnh Nghệ An như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 2, Điều 4, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

a) Hỗ trợ kinh phí chuyển biển; cước phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025;

b) Hỗ trợ kinh phí mua 01 (một) bộ thiết bị giám sát hành trình thay thế thiết bị Movimar kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023.

**Câu hỏi 48: Hồ sơ để hưởng chính sách hỗ trợ kinh phí chuyển biển cho tàu cá khai thác thủy sản vùng khơi trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 1, Điều 5, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 và được sửa đổi, bổ sung tại Điểm a, Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

- Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí chuyển biển (theo mẫu tại Phụ lục 01 Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND);

- Các loại giấy tờ (còn giá trị): Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản và Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm”;

- Cách thức nộp: Đối với nộp trực tiếp: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu; đối với nộp qua dịch vụ bưu chính: Bản sao có chứng thực; đối với nộp qua môi trường mạng: Bản chụp bản chính hoặc bản sao có chứng thực.

Ngoài ra mẫu tại Phụ lục 01, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND: Thay thế cụm từ “Số CMND/CCCD...; Ngày cấp ...; Nơi cấp ...” bằng cụm từ “Số định danh cá nhân: ...”

**Câu hỏi 49: Trình tự thủ tục để hưởng chính sách hỗ trợ kinh phí chuyển biển cho tàu cá khai thác thủy sản vùng khơi trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điểm b, Khoản 1, Điều 5, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

Trình tự, thủ tục hỗ trợ:

- Trong thời gian từ ngày 01 đến ngày 15 tháng cuối hàng quý,

chủ sở hữu tàu cá nộp 01 bộ hồ sơ đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả - Ủy ban nhân dân cấp huyện (Bộ phận Một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện) nơi chủ tàu đăng ký hộ khẩu thường trú;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế có văn bản đề nghị Chi cục Thủy sản cung cấp thông tin về vị trí, thời gian chuyển biển tàu cá khai thác thủy sản vùng khơi;

- Trong thời gian 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế, Chi cục Thủy sản có văn bản trả lời về vị trí, thời gian chuyển biển tàu cá khai thác thủy sản vùng khơi gửi Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế tổng hợp;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Chi cục Thủy sản, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế tổ chức thẩm định hồ sơ và tổng hợp danh sách chủ sở hữu tàu cá đủ điều kiện được hưởng chính sách, số tiền hỗ trợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách chủ sở hữu tàu cá đủ điều kiện được hưởng chính sách, số tiền hỗ trợ do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt danh sách chủ sở hữu tàu cá được hưởng chính sách và số tiền hỗ trợ;

- Sau khi có Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời hạn 05 ngày làm việc, Phòng Tài chính - Kế hoạch hoàn tất thủ tục gửi Kho bạc Nhà nước chuyển tiền hỗ trợ vào tài khoản của chủ sở hữu tàu cá.

**Câu hỏi 50: Hồ sơ hỗ trợ kinh phí mua bộ thiết bị giám sát hành trình thay thế thiết bị Movimar cho tàu cá khai thác thủy sản vùng khơi trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

### **Trả lời:**

Tại Điểm a, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 và được sửa đổi, bổ sung tại Điểm b, Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

- Đơn đề nghị hỗ trợ kinh phí mua bộ thiết bị giám sát hành trình thay thế thiết bị Movimar (theo mẫu tại Phụ lục 02, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND);

- Phiếu khai báo thông tin lắp đặt thiết bị giám sát hành trình tàu cá (Mẫu số 01.KT, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản);

- Biên bản giao nhận lại thiết bị Movimar (Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định 4371/QĐ-BNN-TCTS ngày 14 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng thiết bị thông tin quan sát tàu cá thuộc dự án “Hệ thống quan sát tàu cá, vùng đánh bắt và nguồn lợi thủy sản bằng công nghệ vệ tinh - Movimar”);

- Hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và hóa đơn kèm theo;

- Các loại giấy tờ (còn giá trị): Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản và Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

- Cách thức nộp: Đối với nộp trực tiếp: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu; đối với nộp qua dịch vụ bưu chính: Bản sao có chứng thực; đối với nộp qua môi trường mạng: Bản chụp bản chính hoặc bản sao có chứng thực.

Ngoài ra mẫu tại Phụ lục 02, Nghị quyết số 01/2023/NQ-

HĐND: Thay thế cụm từ “Số CMND/CCCD...; Ngày cấp ...; Nơi cấp ...” bằng cụm từ “Số định danh cá nhân: ...”

**Câu hỏi 51: Trình tự, thủ tục hỗ trợ kinh phí mua bộ thiết bị giám sát hành trình thay thế thiết bị Movimar cho tàu cá khai thác thủy sản vùng khơi trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điểm b, Khoản 2, Điều 5, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

- Trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 chủ sở hữu tàu cá nộp 01 bộ hồ sơ đến Bộ phận Một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi chủ tàu đăng ký hộ khẩu thường trú;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế tổ chức thẩm định hồ sơ và tổng hợp danh sách chủ sở hữu tàu cá đủ điều kiện được hưởng chính sách, số tiền hỗ trợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách chủ sở hữu tàu cá đủ điều kiện được hưởng chính sách, số tiền hỗ trợ do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt danh sách chủ sở hữu tàu cá được hưởng chính sách và số tiền hỗ trợ;

- Sau khi có Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời hạn 05 ngày làm việc, Phòng Tài chính - Kế hoạch hoàn tất thủ tục gửi Kho bạc Nhà nước chuyển tiền hỗ trợ vào tài khoản của chủ sở hữu tàu cá.

**Câu hỏi 52: Hồ sơ hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình cho tàu cá khai thác thủy sản vùng khơi trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điểm a, Khoản 3, Điều 5, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 và được sửa đổi, bổ sung tại Điểm b, Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

- Đơn đề nghị hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình (theo mẫu tại Phụ lục 03, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND);

- Hóa đơn thanh toán cước phí thuê bao dịch vụ;

- Các loại giấy tờ (còn giá trị): Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản và Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

Ngoài ra mẫu tại Phụ lục 03, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND: Thay thế cụm từ “Số CMND/CCCD...; Ngày cấp ...; Nơi cấp ...” bằng cụm từ “Số định danh cá nhân: ...”

**Câu hỏi 53: Trình tự, thủ tục hỗ trợ cước phí thuê bao dịch vụ cho thiết bị giám sát hành trình cho tàu cá khai thác thủy sản vùng khơi trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điểm b, Khoản 3, Điều 5, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

- Trước ngày 01 tháng 12 hàng năm, chủ sở hữu tàu cá nộp 01 bộ hồ sơ đến Bộ phận Một cửa - Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi chủ tàu đăng ký hộ khẩu thường trú;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế tổ chức thẩm định hồ sơ và tổng hợp danh sách chủ sở hữu tàu cá đủ điều kiện được hưởng chính sách, số

tiền hỗ trợ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách chủ sở hữu tàu cá đủ điều kiện được hưởng chính sách, số tiền hỗ trợ do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/ Phòng Kinh tế trình, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt danh sách chủ sở hữu tàu cá đủ điều kiện được hưởng chính sách và số tiền được hỗ trợ;

- Sau khi có Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong thời hạn 05 ngày làm việc, Phòng Tài chính - Kế hoạch hoàn tất thủ tục gửi Kho bạc Nhà nước chuyển tiền hỗ trợ vào tài khoản của chủ sở hữu tàu cá.

**Câu hỏi 54: Trường hợp chủ sở hữu tàu cá nộp hồ sơ hưởng từ 2 đến 3 chính sách theo Nghị quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 tại cùng một thời điểm, thì mục hồ sơ như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 4, Điều 5, Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

Trường hợp chủ sở hữu tàu cá nộp hồ sơ hưởng từ 2 đến 3 chính sách theo Nghị quyết này tại cùng một thời điểm, thì mục hồ sơ “Các loại giấy tờ (còn giá trị): Giấy chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân của chủ sở hữu tàu cá; Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá; Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản và Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm” chỉ cần nộp 01 bộ cho các hồ sơ đề nghị hưởng chính sách.

## **Phần X: Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hàng hóa, dịch vụ thuộc dự toán mua sắm trong phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An**

**Câu hỏi 55: Thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 3, Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc mua sắm tài sản đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 5.000 triệu đồng trở lên/một lần mua sắm.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định việc mua sắm tài sản đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 300 triệu đồng đến dưới 5.000 triệu đồng/một lần mua sắm.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định việc mua sắm tài sản đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị dưới 300 triệu đồng/một lần mua sắm.

**Câu hỏi 56: Thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An không thuộc các trường hợp tại Điều 3, Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 4, Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 5.000 triệu đồng trở lên/một lần mua sắm.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá

trị từ 300 triệu đồng đến dưới 5.000 triệu đồng/một lần mua sắm.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; Thủ trưởng các tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị dưới 300 triệu đồng/một lần mua sắm.

**Câu hỏi 57: Thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ không thuộc các trường hợp tại Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 5, Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 300 triệu đồng trở lên/01 đơn vị hàng hóa, dịch vụ hoặc giá trị mua sắm từ 500 triệu đồng trở lên/một lần mua sắm gồm nhiều loại hàng hóa, dịch vụ.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi chung là cấp huyện) quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị dưới 300 triệu đồng/01 đơn vị hàng hóa, dịch vụ hoặc tổng giá trị mua sắm dưới 500 triệu đồng/một lần mua sắm nhiều loại hàng hóa, dịch vụ.

3. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập) trực thuộc sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; thủ trưởng các tổ chức cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị không quá 200 triệu đồng/một lần mua sắm.

4. Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở,

ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị hàng hóa, dịch vụ hoặc tổng giá trị mua sắm dưới 150 triệu đồng/một lần mua sắm nhiều loại hàng hóa, dịch vụ.

5. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ đối với gói thầu, nội dung mua sắm từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ hoạt động của đơn vị. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định việc mua sắm thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều này.

**Phần XI:**  
**Quy định mức chi thực hiện công tác phổ  
biến, giáo dục pháp luật,  
chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ  
sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An**



**Câu hỏi 58:** Mức chi biên soạn tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định) thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định là bao nhiêu?

**Trả lời:**

Tại Điểm a, Mục 1, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức chi như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
a.	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tờ gấp đã hoàn thành	1.500	1.200	960

**Câu hỏi 59:** Mức chi tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định) thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định là bao nhiêu?

**Trả lời:**

Tại Điểm b, Mục 1, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức chi như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
b.	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Tình huống đã hoàn thành	450	360	280

**Câu hỏi 60:** Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định) thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định là bao nhiêu?

**Trả lời:**

Tại Điểm c, Mục 1, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức chi như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
c.	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Câu chuyện đã hoàn thành	2.250	1.800	1.400

**Câu hỏi 61:** Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định) thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định là bao nhiêu?

**Trả lời:**

Tại Điểm d, Mục 1, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức chi như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
d.	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	Tiểu phẩm đã hoàn thành	7.500	6.000	4.800

**Câu hỏi 62:** Mức chi xây dựng đề cương chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch được quy định như thế nào?

**Trả lời:**

Tại Điểm a, Mục 2, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức chi như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
a.	Xây dựng đề cương				
	- Xây dựng đề cương chi tiết	Đề cương	1.200	960	760
	- Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đề cương hoàn chỉnh	2.000	1.600	1.200

**Câu hỏi 63:** Mức chi soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật,

Ban chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch được quy định như thế nào?

**Trả lời:**

Tại Điểm b, Mục 2, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức chi như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
b.	Soạn thảo chương trình, đề án, kế hoạch:				
	- Soạn thảo Chương trình, đề án, kế hoạch	Chương trình, đề án, kế hoạch	3.000	2.400	1.900
	- Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Báo cáo	500	400	320

**Câu hỏi 64:** Mức chi tổ chức họp, tọa đàm góp ý phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch được quy định như thế nào?

**Trả lời:**

Tại Điểm c, Mục 2, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức chi như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
d.	Ý kiến tư vấn của chuyên gia	Văn bản	500	400	320

**Câu hỏi 65:** Mức chi ý kiến tư vấn của chuyên gia xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch được quy định như thế nào?

**Trả lời:**

Tại Điểm d, Mục 2, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức chi như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
d.	Xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch				
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ buổi	200	160	120
	- Thành viên Hội đồng, thư ký	Người/ buổi	150	120	90

	- Đại biểu được mời tham dự	Người/ buổi	100	80	60
	- Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Bài viết	300	240	190
	- Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Bài viết	200	160	120

**Câu hỏi 66:** Mức chi xét duyệt chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch được quy định như thế nào?

**Trả lời:**

Tại Điểm đ, Mục 2, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức chi như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
e.	Ý kiến thẩm định chương trình, đề án, kế hoạch	Bài viết (đối với trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt)	500	400	320

g.	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch	Văn bản	500	400	320
----	--	---------	-----	-----	-----

**Câu hỏi 67:** Mức chi ý kiến thẩm định và xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn chương trình, đề án, kế hoạch của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch được quy định như thế nào?

**Trả lời:**

Tại Điểm e, Điểm g, Mục 2, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức chi như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt				
a)	Chi hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia hội nghị ra mắt Câu lạc bộ pháp luật	Người/ngày (không quá 1 ngày)	50	40	30

b)	Chi tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Người/buổi	20		
----	---	------------	----	--	--

**Câu hỏi 68:** Mức chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?

**Trả lời:**

Tại Mục 3, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức chi như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	Chi thực hiện báo cáo thống kê về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở				
a)	Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo của các địa phương	Báo cáo	75	60	40
b)	Báo cáo của địa phương	Báo cáo	4.500	3.600	2.800

**Câu hỏi 69:** Mức chi thực hiện báo cáo thống kê về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?

**Trả lời:**

Tại Mục 4, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức chi như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
Các khoản chi công tác hòa giải ở cơ sở					
a)	Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải và hòa giải thành theo Điều 24 Luật Hòa giải ở cơ sở)	Vụ, việc	0	0	400
b)	Chi thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải và hòa giải không thành theo Điều 27 Luật Hòa giải ở cơ sở)	Vụ, việc	0	0	300
c)	Chi hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải (chi mua văn phòng	01 Tổ hòa giải/ tháng	0	0	150

	phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải)				
d)	Hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở	01 hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng	01 hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng	5 tháng lương cơ sở	

**Câu hỏi 70: Các khoản chi công tác hòa giải ở cơ sở công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Mục 5, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức chi như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
a)	Cho thuê văn nghệ, diễn viên	Người/ngày	450	360	280

**Câu hỏi 71: Mức chi thuê văn nghệ, diễn viên tổ chức cuộc thi, hội thi phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản a, Mục 6, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức chi như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
b)	Chi giải thưởng				
	Giải nhất tập thể	Giải	15.000	12.000	9.600
	Giải nhất cá nhân	Giải	9.000	7.200	5.700
	Giải nhì tập thể	Giải	10.500	8.400	6.700
	Giải nhì cá nhân	Giải	4.500	3.600	2.800
	Giải ba tập thể	Giải	7.500	6.000	4.800
	Giải ba cá nhân	Giải	3.000	2.400	1.900
	Giải khuyến khích tập thể	Giải	4.500	3.600	2.800
	Giải khuyến khích cá nhân	Giải	1.500	1.200	960
	Giải phụ khác	Giải	750	600	480

**Câu hỏi 72: Chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng trong những ngày tham gia trực tiếp tổ chức cuộc thi theo quyết định của cấp có thẩm quyền**

**tổ chức cuộc thi, hội thi phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản c, Mục 6, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thí sinh tham gia cuộc thi (kể cả ngày tập luyện và thi, tối đa không quá 10 ngày) như sau:

TT	Nội dung chi	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
c)	Chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng trong những ngày tham gia trực tiếp tổ chức cuộc thi theo quyết định của cấp có thẩm quyền: Chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thí sinh tham gia cuộc thi (kể cả ngày tập luyện và thi, tối đa không quá 10 ngày)	Thực hiện theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Nghệ An		

**Câu hỏi 73: Chi biên soạn đề thi, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, bồi dưỡng thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng và một số nội dung chi khác để phục vụ tổ chức cuộc thi tổ chức cuộc thi, hội thi phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản d, Mục 6, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-

HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

TT	Nội dung chi	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
d)	Chi biên soạn đề thi, xây dựng ngân hàng câu hỏi thi, bồi dưỡng thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng và một số nội dung chi khác để phục vụ tổ chức cuộc thi	Thực hiện theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 quy định về nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo trên địa bàn tỉnh Nghệ An		

**Câu hỏi 74: Chi công tác phí cho những người đi công tác, kiểm tra, giám sát, bao gồm cả báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cộng tác viên, chuyên gia tham gia đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải viên; chi tổ chức các cuộc họp (bao gồm cả cuộc họp bầu hòa giải viên, bầu tổ trưởng tổ hòa giải), hội nghị chuyên đề, hội nghị tổng kết, sơ kết, triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, các Chương trình, đề án, kế hoạch trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Mục 7, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

TT	Nội dung chi	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
----	--------------	----------	-----------	--------

7)	Chi công tác phí cho những người đi công tác, kiểm tra, giám sát, bao gồm cả báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cộng tác viên, chuyên gia tham gia đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải viên; chi tổ chức các cuộc họp (bao gồm cả cuộc họp bầu hòa giải viên, bầu tổ trưởng tổ hòa giải), hội nghị chuyên đề, hội nghị tổng kết, sơ kết, triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, các Chương trình, đề án, kế hoạch	Thực hiện theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh Nghệ An quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Nghệ An		
----	--	---	--	--

**Câu hỏi 75: Chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải ở cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức; báo cáo viên pháp luật; tuyên truyền viên pháp luật và người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải viên ở cơ sở; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số theo khoản 3 Điều 17 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người khuyết tật theo khoản 3 Điều 20 Luật**

**Phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Mục 8, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

TT	Nội dung chi	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
8)	Chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải ở cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức; báo cáo viên pháp luật; tuyên truyền viên pháp luật và người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải viên ở cơ sở; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng các dân tộc thiểu số theo khoản 3 Điều 17 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; người làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho người khuyết tật theo khoản 3 Điều 20 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật			

Thực hiện theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Nghệ An

Nội dung và mức chi hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ, tiền phương tiện đi lại đối với học viên là đại biểu không hưởng lương thực hiện theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 quy định một số mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Câu hỏi 76: Chi tổ chức họp báo, hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, giải pháp thực hiện chương trình, đề án, hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, cấp huyện; Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (bao gồm: Chi tổ chức các cuộc hội thảo, các phiên họp định kỳ, đột xuất của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Ban chỉ đạo, họp tư vấn, thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện) trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Mục 9, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

TT	Nội dung chi	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
9)	Chi tổ chức họp báo, hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, giải pháp thực hiện chương trình, đề án, hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, cấp huyện; Hội đồng			

Thực hiện theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 quy định về mức chi ngân sách nhà nước cho một số hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Nghệ An



	đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (bao gồm: Chi tổ chức các cuộc hội thảo, các phiên họp định kỳ, đột xuất của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật, Ban chỉ đạo, họp tư vấn, thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện)	
--	--	--

**Câu hỏi 77: Chi biên soạn, biên dịch tài liệu phục vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và thực hiện thông tin, truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Mục 10, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

TT	Nội dung chi	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
----	--------------	----------	-----------	--------

10)	Chi biên soạn, biên dịch tài liệu phục vụ phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và thực hiện thông tin, truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng	
a)	Chi biên soạn đồ họa thông tin pháp luật	Thực hiện theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 ban hành quy định mức chi cụ thể kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An
b)	Chi biên dịch các tài liệu phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (bao gồm cả tiếng dân tộc thiểu số được hiểu là ngôn ngữ không phổ thông)	Thực hiện theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 ban hành quy định mức chi cụ thể kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Nghệ An

**Câu hỏi 78: Chi thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Mục 11, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

TT	Nội dung chi	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
11)	Chi thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở	Thực hiện theo Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 Quy định nội dung chi, mức chi của các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Nghệ An do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định		

**Câu hỏi 79: Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên cơ sở, người được mời tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt với tư cách là giảng viên trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Mục 12, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

TT	Nội dung chi	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
12)	Thù lao báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên cơ sở, người được mời tham gia thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nòng cốt với tư cách là giảng viên	Thực hiện theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Nghệ An  Trường hợp thực hiện phổ biến giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù theo quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20, 21, 22 của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật được hưởng thêm 20% mức thù lao được nhận.		

**Câu hỏi 80: Chi kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Mục 13, Phụ lục Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

TT	Nội dung chi	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
----	--------------	----------	-----------	--------

13)	Chi kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở	Thực hiện theo Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2023 quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Nghệ An
-----	--	---

**Phần XII:**  
**Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đóng Bảo hiểm y tế; Chi phí cùng chi trả đối với thuốc kháng HIV cho người nhiễm HIV/AIDS có thẻ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**Câu hỏi 81: Đối tượng áp dụng hỗ trợ kinh phí đóng Bảo hiểm y tế; Chi phí cùng chi trả đối với thuốc kháng HIV cho người nhiễm HIV/AIDS có thẻ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 14/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

a) Người được cơ quan có thẩm quyền xác nhận nhiễm HIV/AIDS có đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú được quản lý từ 06 tháng trở lên trên địa bàn tỉnh Nghệ An chưa có thẻ bảo hiểm y tế và thuộc nhóm được ngân sách nhà nước hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế theo quy định pháp luật hiện hành, được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gồm:

- Người thuộc hộ gia đình cận nghèo;
- Người thuộc hộ gia đình nghèo đa chiều;
- Học sinh, sinh viên;
- Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình;
- Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Người được cơ quan có thẩm quyền xác nhận nhiễm HIV/AIDS có đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú được quản lý từ 06 tháng trở lên trên địa bàn tỉnh Nghệ An, chưa có thẻ bảo hiểm y tế và thuộc nhóm tham gia bảo hiểm y tế theo hộ gia đình;

c) Người nhiễm HIV/AIDS có thẻ bảo hiểm y tế đang điều trị

thuốc kháng HIV tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh;

d) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Câu hỏi 82: Hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho người nhiễm HIV/AIDS trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 2, Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 14/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

1. Hỗ trợ phần kinh phí đóng bảo hiểm y tế còn lại cho người nhiễm HIV/AIDS thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này (trừ trường hợp đã được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế 100% ở các chính sách khác).

2. Hỗ trợ 100% kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho người nhiễm HIV/AIDS thuộc đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này.

**Câu hỏi 83: Hỗ trợ chi phí cùng chi trả đối với thuốc kháng HIV cho người nhiễm HIV/AIDS có thẻ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 3, Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 14/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

Hỗ trợ 100% chi phí cùng chi trả đối với thuốc kháng HIV (thuốc ARV) cho người nhiễm HIV/AIDS thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này.

**Phần XIII:**  
**Quy định một số chính sách hỗ trợ các trường phổ thông dân tộc bán trú, trường trung học phổ thông thực hiện thí điểm mô hình phổ thông dân tộc bán trú vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**Câu hỏi 84: Đối tượng áp dụng chính sách hỗ trợ các trường phổ thông dân tộc bán trú, trường trung học phổ thông thực hiện thí điểm mô hình phổ thông dân tộc bán trú vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 2, Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 29/8/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định đối tượng sau:

1. Các trường phổ thông dân tộc bán trú, trường trung học phổ thông thực hiện thí điểm mô hình trường phổ thông dân tộc bán trú vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Cán bộ, giáo viên và những người tham gia giảng dạy tăng cường các môn ngoại ngữ, tin học, giáo dục STEM, kỹ năng sống, giá trị sống tại các trường phổ thông dân tộc bán trú, trường trung học phổ thông thực hiện thí điểm mô hình trường phổ thông dân tộc bán trú vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Câu hỏi 85: Chính sách hỗ trợ các trường phổ thông dân tộc bán trú, trường trung học phổ thông thực hiện thí điểm mô hình phổ thông dân tộc bán trú vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 3, Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 29/8/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định đối tượng sau:

1. Hỗ trợ kinh phí để dạy học tăng cường các môn ngoại ngữ, tin học, giáo dục STEM, kỹ năng sống, giá trị sống.

a) Mức hỗ trợ: 100.000 đồng/tiết dạy;

b) Thời gian hỗ trợ: theo số tiết dạy thực tế nhưng tối đa không

quá 5 tiết/tuần/lớp và không quá 27 tuần/năm học;

c) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ qua các cơ sở giáo dục để chi trả cho các cán bộ, giáo viên, những người tham gia giảng dạy, giáo dục học sinh.

2. Hỗ trợ kinh phí mua sắm sách giáo khoa xây dựng tủ sách dùng chung để cho mỗi học sinh mượn 01 bộ sách tương ứng với từng lớp học mà học sinh đó đang theo học.

a) Mức hỗ trợ: 50.000 đồng/học sinh/năm học;

b) Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp cho các cơ sở giáo dục để mua sắm sách giáo khoa xây dựng tủ sách dùng chung.

#### **Phần XIV:**

**Quy định số lượng tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng thành viên của các tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**Câu hỏi 86: Quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng thành viên của các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Nghệ An như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 1, Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 28/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

1. Mỗi thôn, xóm, khối, bản có 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.
2. Số lượng thành viên của mỗi Tổ bảo vệ an ninh, trật tự là 03 người, trừ các Tổ bảo vệ an ninh, trật tự quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Câu hỏi 87: Quy định về điều chỉnh số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Nghệ An như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Điều 2, Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 28/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

1. Trường hợp thành lập, giải thể, nhập, chia thôn, xóm, khối, bản dẫn đến điều chỉnh tăng, giảm số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

2. Trường hợp có sự thay đổi số lượng hộ gia đình trên địa bàn dẫn đến tăng, giảm số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự thì Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tiêu chí được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 07/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên; mức chi hỗ trợ, bồi dưỡng; chế độ, chính sách đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Nghệ An để quyết định.

## **Phần XV: Thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024-2025**

**Câu hỏi 88: Phạm vi điều chỉnh thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 1, Điều 1, Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 29/8/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 29/8/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024 - 2025 theo quy định tại khoản 7 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

**Câu hỏi 89: Đối tượng áp dụng thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 29/8/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp.

**Câu hỏi 90: Đơn vị thực hiện cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024 - 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An là những đơn vị nào?**

**Trả lời:**

Tại Khoản 1, Điều 2, Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 29/8/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

Huyện thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp: huyện Kỳ Sơn và huyện Quế Phong.

**Câu hỏi 91: Nội dung phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024 - 2025 được quy định như thế nào?**

Tại Khoản 2, Điều 2, Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 29/8/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định như sau:

Nội dung phân cấp:

a) Hội đồng nhân dân huyện Kỳ Sơn và Hội đồng nhân dân huyện Quế Phong được quyết định điều chỉnh phương án phân bổ vốn đầu tư công, kinh phí thường xuyên giữa các chương trình mục tiêu quốc gia trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hàng năm, dự toán ngân sách nhà nước hàng năm đã được cấp có thẩm quyền giao; cơ cấu nguồn vốn ngân sách nhà nước giữa chi đầu tư, chi thường xuyên của các dự án thành phần không còn đối tượng hỗ trợ để tập trung vốn thực hiện các dự án thành phần khác thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

b) Việc quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm của huyện Kỳ Sơn, huyện Quế Phong được thực hiện theo kế hoạch đầu tư công trung hạn, kế hoạch đầu tư vốn hàng năm, dự toán ngân sách nhà nước hàng năm đã được Hội đồng nhân dân huyện điều chỉnh theo quy định tại điểm a khoản này.



## MỤC LỤC

### Lời mở đầu

**Phần I.** Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Nghệ An quản lý.

**Phần II.** Quy định mức thu học phí trong các cơ sở giáo dục công lập; mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định thuộc tỉnh Nghệ An quản lý từ năm học 2023-2024.

**Phần III.** Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội và chính sách hỗ trợ đối với một số đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Phần IV.** Quy định chính sách hỗ trợ đối với người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng thuộc gia đình hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2025.

**Phần V.** Quy định tiêu chí thành lập, số lượng thành viên; mức chi hỗ trợ, bồi dưỡng; chế độ, chính sách đối với tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Phần VI.** Quy định định mức chi ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững; Nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Phần VII.** Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù và một số chính sách hỗ trợ đối với huấn luyện viên, vận động viên thành tích cao tỉnh Nghệ An.

**Phần VIII.** Quy định chính sách hỗ trợ thực hiện Chương trình bố trí ổn định dân cư trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2024 – 2030.

**Phần IX.** Chính sách hỗ trợ cho tàu cá khai thác thủy sản vùng khơi trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Phần X.** Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hàng hóa, dịch vụ thuộc dự toán mua sắm trong phạm vi quản lý của tỉnh Nghệ An.

**Phần XI.** Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Phần XII.** Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đóng Bảo hiểm y tế; Chi phí cùng chi trả đối với thuốc kháng HIV cho người nhiễm HIV/AIDS có thẻ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Phần XIII.** Quy định một số chính sách hỗ trợ các trường phổ thông dân tộc bán trú, trường trung học phổ thông thực hiện thí điểm mô hình phổ thông dân tộc bán trú vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Phần XIV.** Quy định số lượng tổ bảo vệ an ninh, trật tự; số lượng thành viên của các tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

**Phần XV.** Thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024-2025.

# TÀI LIỆU HỎI - ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN BAN HÀNH NĂM 2024

## CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Lê Bá Hùng

*Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông Nghệ An*

## CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG

Nguyễn Bá Hảo

*Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông*

## BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Diệu Thu

## BIÊN TẬP VÀ SỬA BẢN IN

Trần Anh Tuấn

Hoàng Thăng Long

Nguyễn Thị Diệu Thu

Chế bản, in, gia công sau in 750 bản, khổ 14,5 x 20,5 cm tại Công ty cổ phần Âu Việt, tầng 4 tòa nhà Tecco C, TP Vinh, Nghệ An. Giấy phép xuất bản số 99/GP-STTTT do Sở TTTT Nghệ An cấp ngày 09/10/2024. In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2024.